

Chương 9:

Chính sách và các công cụ quản lý điều hành nhập khẩu

Hai khái niệm

1. **NK bổ sung:** NK hàng hóa trong n-☐c không sủi xuất ă-☐c hoặc sủi xuất không ăỹp ☐ng ă☐ nhu c☐u.

NK bổ sung giúp cho nền kinh tế phát triển cân ă☐ và ă☐ ảnh

2. **NK thay thế:** NK những hàng hóa mà sủi xuất trong n-☐c s☐khăng c☐l☐ bằng NK .

NK thay thế giúp cho sủi xuất trong n-☐c c☐nh tranh v☐ sủi ph☐m n-☐c ngoài

Do vậy nếu thực hiện tốt hai mặt NK này, NK sẽ có t☐c ă☐ng t☐ch c☐c ă☐h s☐phát triển c☐a nền ktqu☐c dân.

I. Vai trò của NK

1. Tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH

Cơ cấu kinh tế là tổng quan tổng thể về các bộ phận của nền kinh tế quốc dân.

Càng nghiệp hoá là quỹ trình chuyển đổi cơ bản, toàn diện về mặt thực chất về cơ cấu nền kinh tế từ sản xuất lao động thủ công là chính sang sản xuất hàng hoá rồi sản xuất lao động dịch vụ càng ngày tiến tới, hiện đại, tạo ra năng suất lao động và trình độ phát triển kinh tế xã hội cao.

Giai đoạn 1; Xây dựng nền tảng công nghiệp hoá.

Giai đoạn 2: Tăng mạnh công nghiệp hoá.

Giai đoạn 3: Dịch vụ hoá công nghiệp.

2- Bổ sung những mất cân đối của nền kinh tế, đảm bảo phát triển kinh tế cân đối và ổn định

3. - NK góp phần cải thiện và nâng cao mức sống của nhân dân

- + thỏa mãn nhu cầu trực tiếp của nhân dân về hàng tiêu dùng
- + cung cấp ăn vào cho quá trình sản xuất, tạo việc làm ăn ăn cho người lao động
- + nâng cao mức thu nhập của nhân dân

4. NK có vai trò tích cực đến thúc đẩy XK

NK tạo ăn vào cho sản xuất hàng xuất khẩu, nguyên nhiên vật liệu, máy móc thiết bị nhập khẩu

NK giúp thiết lập mối quan hệ hợp tác với nước XK hàng, do đó có thể đẩy XK hàng hóa của mình sang các nước này,

II. Những nguyên tắc và chính sách NK

1. Các nguyên tắc
 - a. Sử dụng vốn NK tiết kiệm đem lại hiệu quả kinh tế cao

Sự cần thiết:

Hạn chế về vốn

Nhu cầu cao

Cơ chế thị trường

Nội dung của nguyên tắc:

Về mặt hàng

Về số lượng

Về thời gian

về giá cả và các điều kiện khác

b. NK thiết bị kỹ thuật tiên tiến hiện đại, phù hợp với nhu cầu

Công nghệ tiên tiến:

Tiết kiệm nguyên vật liệu

Năng suất cao

Làm ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao

Không gây ô nhiễm môi trường

Công nghệ thích hợp (Appropriate Technology)

Công nghệ thích hợp là công nghệ mà nguồn lực sử dụng cho nó phù hợp với các điều kiện của quốc gia đó

c. Phải bảo vệ và thúc đẩy sx trong n- ớc phát triển, tăng nhanh xk

Thành th- ụng hàng NK c ụng gi ỡ h ụng và ph ụng chốt t ụng h ụng.
Nh- ng n ụng ch ụng ụng vào NK th ụng s ụng b ụng ch ụng s ụng xuất trong n- ụng,
ng- ụng dân s ụng kh ụng c ụng c ụng ụng vi ụng làm,
Do v ụng khi NK c ụng ng ph ụng ụng ụng t ụng to ụng k ụng c ụng, h ụng ch ụng vi ụng
t ụng ụng h ụng ti ụng c ụng ụng n ụng s ụng xuất trong n- ụng, ch ụng n ụng cho
hàng NK c ụng nh ụng tranh v ụng hàng n ụng ụng ụng d ụng d ụng và t ụng v ụng ụng
tr ụng ụng ph ụng tr ụng c ụng t ụng ng ụng và l ụng v ụng.
- ụng v ụng ng ụng non trở và thi ụng y ụng: c ụng b ụng h ụng và h ụng ch ụng xk
- ụng v ụng ng ụng ụng c ụng qu ụng tr ụng ph ụng tr ụng: n ụng t ụng m ụng tr- ụng
c ụng nh ụng tranh ụng ng ụng c ụng ụng l ụng ph ụng tr ụng m ụng h ụng n ụng,
c ụng nh- ti ụng t ụng m ụng r ụng th ụng tr- ụng xk

Nguyên tắc khác

Kết hợp giữa xuất khẩu và nhập khẩu

**Xây dựng thị tr- ờng nhập khẩu ổn định, vững
chắc và lâu dài**

-
- Nhóm có khả năng cạnh tranh là *cà phê, điều, gạo, tiêu, một số trái cây đặc sản (soài, dứa, b²o²i, ...), thủy, hải sản, hàng dệt may, giày dép, động cơ diesel loại công suất nhỏ...;*
 - Nhóm có khả năng cạnh tranh với điều kiện đ- ợc hỗ trợ có thời hạn và tích cực nâng cao khả năng cạnh tranh là *chè, cao su, rau, thịt lợn, lắp ráp điện tử, cơ khí, hóa chất, xi măng, ...;*
 - Nhóm có khả năng cạnh tranh thấp là *đ²ờng mía, bông, đồ t²ơng, ngô, quả có múi, hoa, sữa bò, gà, thép...*
-

2. Chính sách nhập khẩu

- Ưu tiên nhập khẩu máy móc thiết bị cần thiết phục vụ các tiểu công nghiệp, HHH, cho tổng hợp xuất khẩu
- Thiết kế các ngành công nghiệp nhập khẩu vật tư phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng
- Bảo hộ chính sách thuế xuất nhập khẩu

BỦ h□ là nhệng bi□h phỹp c□a ch□nh ph□ nhằmh□tr□sỦ xuốtt, nâng cao khỦnớng c□nh tranh c□a hàng h□a sỦ xuốtt trong n-□c và ắ□ ph□ v□ hàng h□a nhốph khộu c□thợ gây thi□t h□ cho nủn kinh t□n-□c nhốph khộu.

Bảo hộ có thể đ- ợc thực hiện bởi 2 ph- ơng thức:

- Nhệng rào cỦ vủ th- □hg m□
- Cỹc bi□h phỹp h□tr□trong n- □c

Nguyên tắc của bảo hộ:

- BỦ h□phỦ c□ch□h l□c, c□ắiủu ki□hn và c□th□ h□h
- BỦ h□phỦ h- □hg t□ nâng cao nớng l□c c□nh tranh
- bỦ h□phỦ ỹp d□ng th□hg nhốtt cho m□ thành ph□h kinh t□
- BỦ h□phỦ tuân th□cỹc quy ắnh và cam k□t qu□c t□

III. Thực trạng hoạt động nhập khẩu

- Quy mô, tốc độ tăng trưởng
- Cấu trúc mặt hàng
- Cấu trúc thị trường

Xem sách “Hàng rào phi thuế quan trong chính sách thương mại quốc tế”

IV. Các biện pháp càng c  qu n l  NK

C c c ng cụ qu n l  NK l  nh ng bi n ph p, th  t c m  Nhà n  c đ a ra nh m t c đ ng v  điều tiết hoạt đ ng NK của c c doanh nghiệp

1. Thuế NK

a. Kh i ni m

Thu  nhập khẩu l  một c ng cụ tài ch nh m  c c n  c sử dụng để qu n l  hoạt đ ng nhập khẩu hàng h a th ng qua vi c thu một khoản tiền khi hàng h a di chuyển qua bi n gi i hải quan v o n i đ a.

L-u

Phân biệt: thu nhập thu – thu giảm thu

Thu nhập thuế thu là những hàng hóa mậu dịch và phi mậu dịch ở NK qua biên giới quốc gia

Thu nhập là chi hàng NK,

Thu nhập NK: thu nhập tiểu ngạch cũng.

Thu nhập của Nhà nước: Thuế quan

Luật Thuế XK, NK của Việt Nam

-Luật thuế XK, NK của Việt Nam đã được ban hành lần đầu tiên vào năm 1987 với tên gọi ***Luật thuế XK, NK hàng mậu dịch***.

Ngày 26/12/1991, Quốc hội thông qua Luật mới với tên gọi Luật thuế XK, thuế NK và đến nay Luật mới này đã qua hai lần sửa đổi bổ sung:

Lần 1: vào ngày 5/7/1993 (có hiệu lực từ ngày 1/9/1993)

Lần 2: vào ngày 20/5/1997 (có hiệu lực từ ngày 1/1/1999)

Lần 3: vào ngày 14/6/2005 (có hiệu lực từ 1/1/2006)

Thắng t- 87/2004/TT-BTC ngày 31/8/2004

b. Các phương pháp tính thuế

* Thuế tính theo giá: - ad valorem tax

- là loại thuế áp dụng vào mức giá trị hàng hóa nhập khẩu hàng NK. Việc áp dụng cách tính thuế theo giá làm cho số tiền thuế thu được biến động theo sự thay đổi của giá hàng NK

ví dụ: một hàng NK thiết bị camera quan sát

Thuế suất: 10%

Giá trị hàng thuế 100 USD

Tiền thuế 10 USD

Giá trị hàng là giá trị theo hợp đồng XNK.

* Thuế tuyệt đối: specific tax

- là loại thuế quy định mức thuế theo giá trị hàng hóa nhập khẩu hàng NK (số lượng - khối lượng - đơn vị tính) ví dụ: 20 USD/m³ đá granite.

- Giá hàng NK cao hay thấp không ảnh hưởng đến quy mô thuế thu được

Thuế hỗn hợp (compound tariff): là loại thuế kết hợp cả 2 cách tính thuế trên.

Mỹ: đồng hồ đeo tay: 51xent/chiếc + 6,25%.

EU: 14% + 193,4 euro (đến 331,8 euro) trên 100kg thịt bò nhập khẩu

-Thuế theo mùa: là loại thuế áp dụng mức thuế khác nhau tùy thuộc vào mùa vụ - hay theo biến động cung cầu. Nếu vào vụ thu hoạch thì hàng hóa NK sẽ giảm thuế, ngược lại nếu thiếu hụt thì thuế sẽ tăng.

-Thuế lựa chọn: Thuế lựa chọn là loại thuế quy định cả hai cách tính theo giá và theo lượng, người nộp thuế có thể chọn một trong hai cách tính.

- Hạn ngạch thuế quan: là chế độ thuế áp dụng mức thuế suốt thời gian hàng hóa NK trong giới hạn số lượng hàng nhập khẩu NK quy định, ngược lại khi NK vượt quá hạn ngạch thì phải chịu mức thuế cao hơn và phải nộp thuế.

c. Loại thuế suất

- Thuế suất ưu đãi: được áp dụng cho hh NK có xx từ n- ớc hoặc khối n- ớc có thỏa thuận quy chế MFN trong quan hệ th- ơng mại với quốc gia

- Thuế suất thông thường: áp dụng đối với hàng hóa NK có xuất xứ từ n- ớc không có thỏa thuận về quy chế MFN trong quan hệ với quốc gia

Thuế suất thông thường cao hơn 50% so với thuế suất - u đãi

- Thuế suất ưu đãi đặc biệt: áp dụng cho hh NK có xx từ n- ớc hoặc khối n- ớc mà quốc gia có thỏa thuận đặc biệt về thuế NK theo thể chế khu vực th- ơng mại tự do, liên minh thuế quan, hoặc để tạo thuận lợi cho giao l- u th- ơng mại biên giới.

d. Biểu thuế - Mức thuế suất:

Quyết định 110/2003/QĐ-BTC với việc ban hành biểu thuế nhập khẩu, có hiệu lực từ 1/9/2003

Thắng thuế số 85/2003/TT-BTC ngày 29/8/2003 hướng dẫn phân loại hàng hóa.

Biểu thuế hiện hành gồm khoảng 10.000 thuế (so với biểu thuế cũ: 6.300 thuế), tuân thủ hoàn toàn theo HS2K và theo nguyên tắc phân loại HS của WCO, trong khi biểu thuế cũ đã xây dựng trên cơ sở HS96.

Biểu thuế mới sẽ có 15 mức thuế suất là:

0%-1%-3%-5%-7%

10%-15%-20%-25%-30%

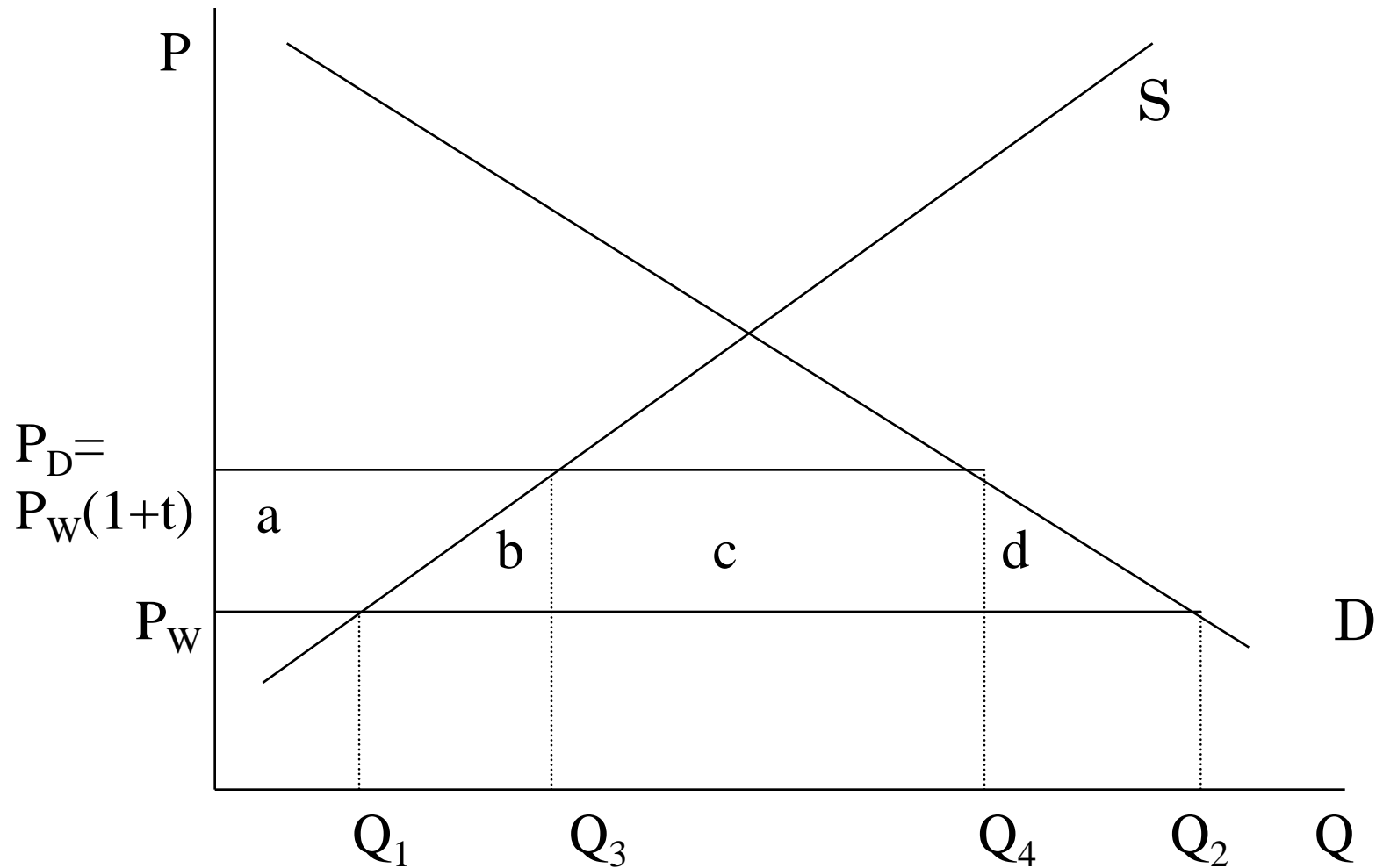
40%-50%-60%-80%-100%

Mức thuế suất bình quân là 18,2%

Giữ ấm

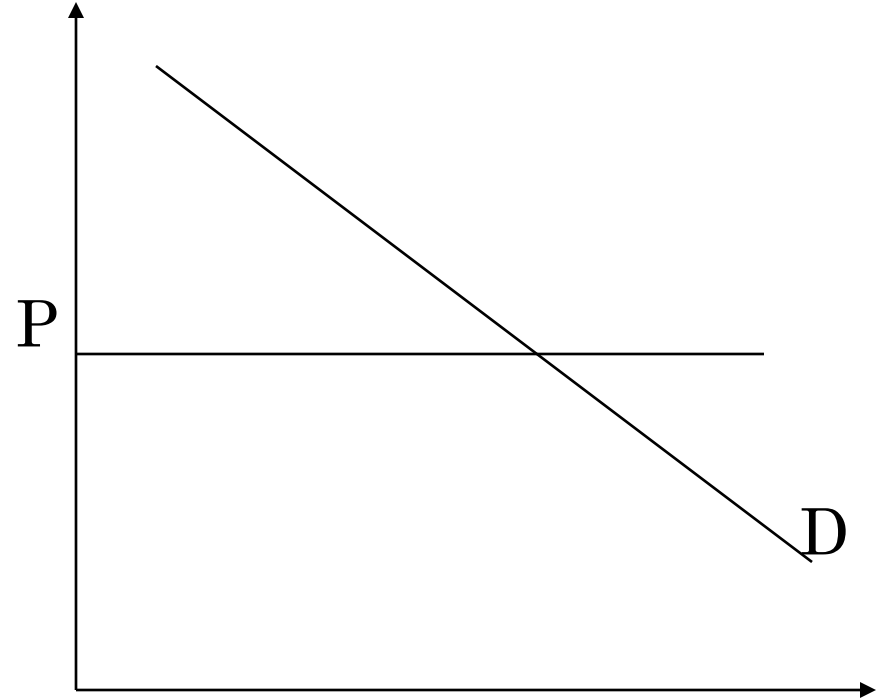
1. T- \square ng quan cung c \square u c \square a hàng ho \tilde{y} \check{a} - \square c
phân t \square ch x \tilde{y} c \check{a} \square nh và kh \check{a} ng \check{a} \check{a} i
2. S \square d \square ng ph- \square ng ph \tilde{y} p phân t \square ch *cân bằng từng phần*
3. Phân t \square ch s \square \check{a} \square tr \check{a} n c \square s \square m \square t *nên kinh tế quy mô nhỏ*

Lợi ích và chi phí của thu quan



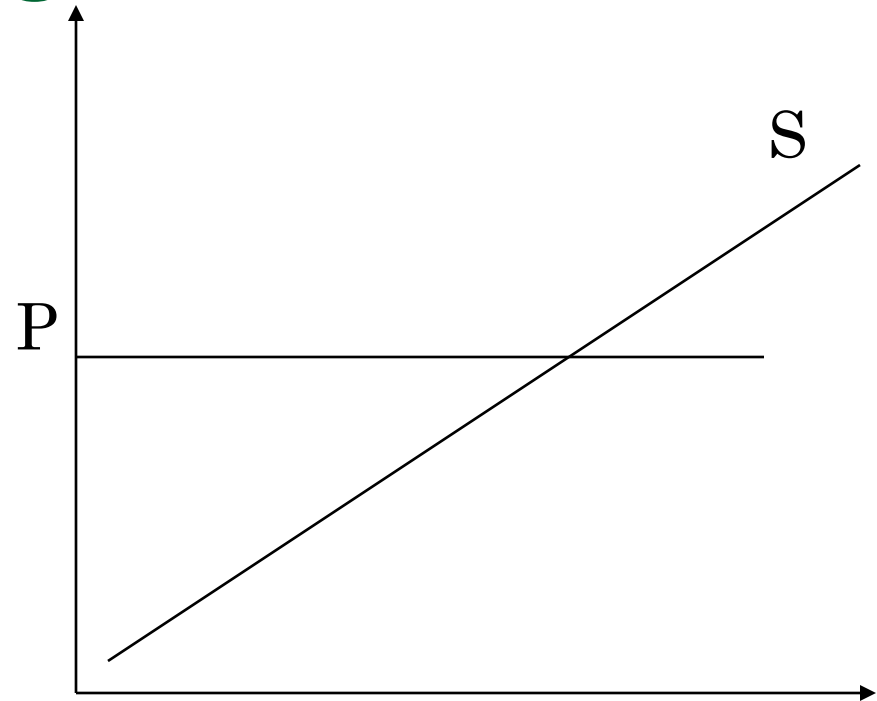
Thặng dư- của ng- tiêu dùng

Thặng dư- của ng- tiêu dùng là sự chênh lệch giữa mức sẵn sàng trả và mức giá mà họ phải trả



Thặng dư - c_ua ng-_h s_u xu_ut

Thặng dư - c_ua ng-_h s_u xu_ut là ph_un ch_unh l_uch gi_ua m_uc gi_uy mà h_u nh_un ã-_uc v_u m_uc chi ph_umà h_uph_u b_ura



Cách 1:

Thđng d- c□a ng- □ tiđu d□ng: -a-b-c-d

Thđng d- c□a ng- □ sỦi xuđt: +a

Thu nhđp c□a Nhà n- □c: +c

Xđ h□ - b-d

b: mđt mỷt do SX k□m hi□u quỦ

d: mđt mỷt do h□n ch□tiđu d□ng

Cách 2:

a: Tỷc ă□hg chuyđn nh- □hg (t□ ng- □ tiđu d□ng sang ng- □ sỦi xuđt)

b: tỷc ă□hg bỦ h□

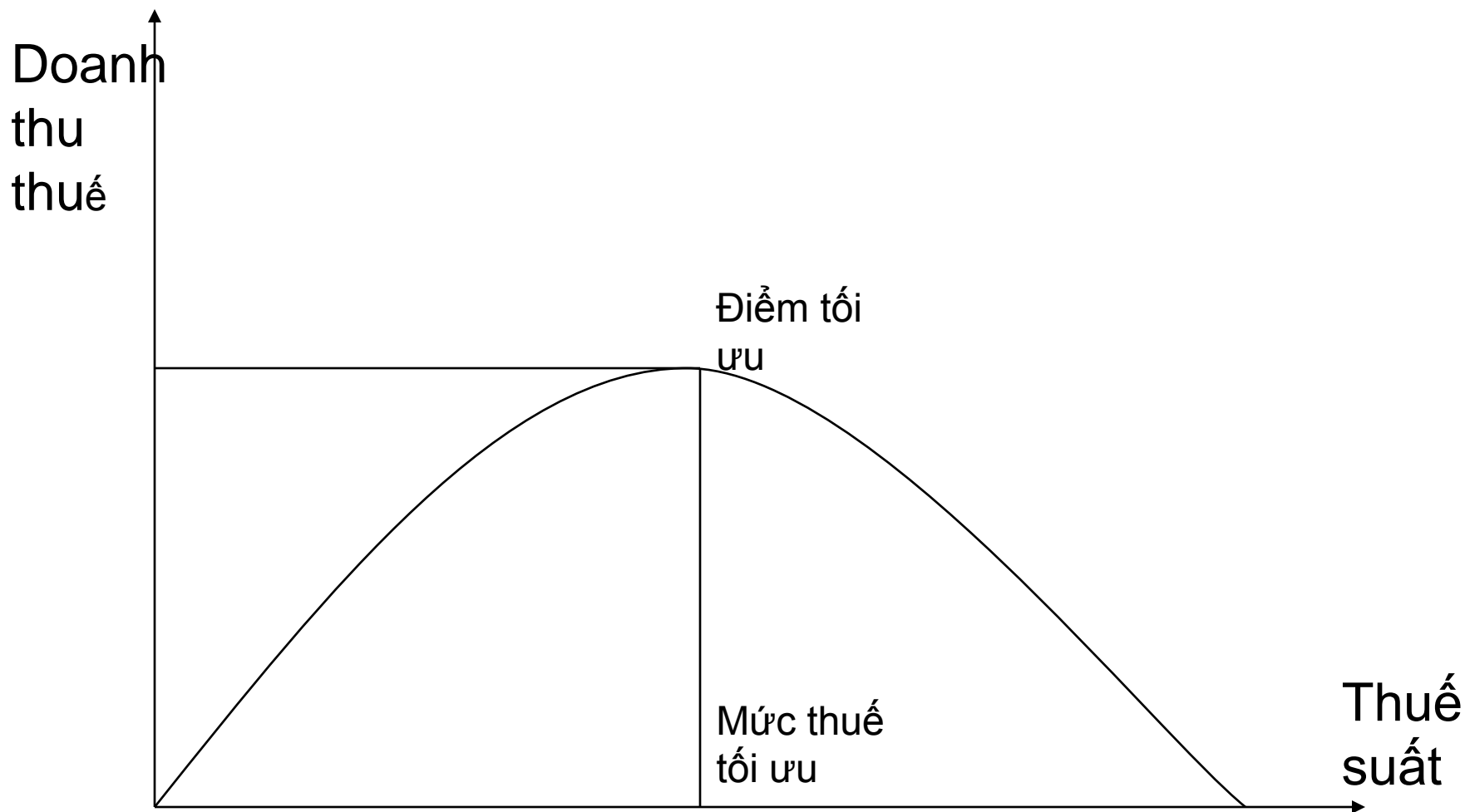
c: Doanh thu thu□

d: Tỷc ă□hg h□n ch□tiđu d□ng

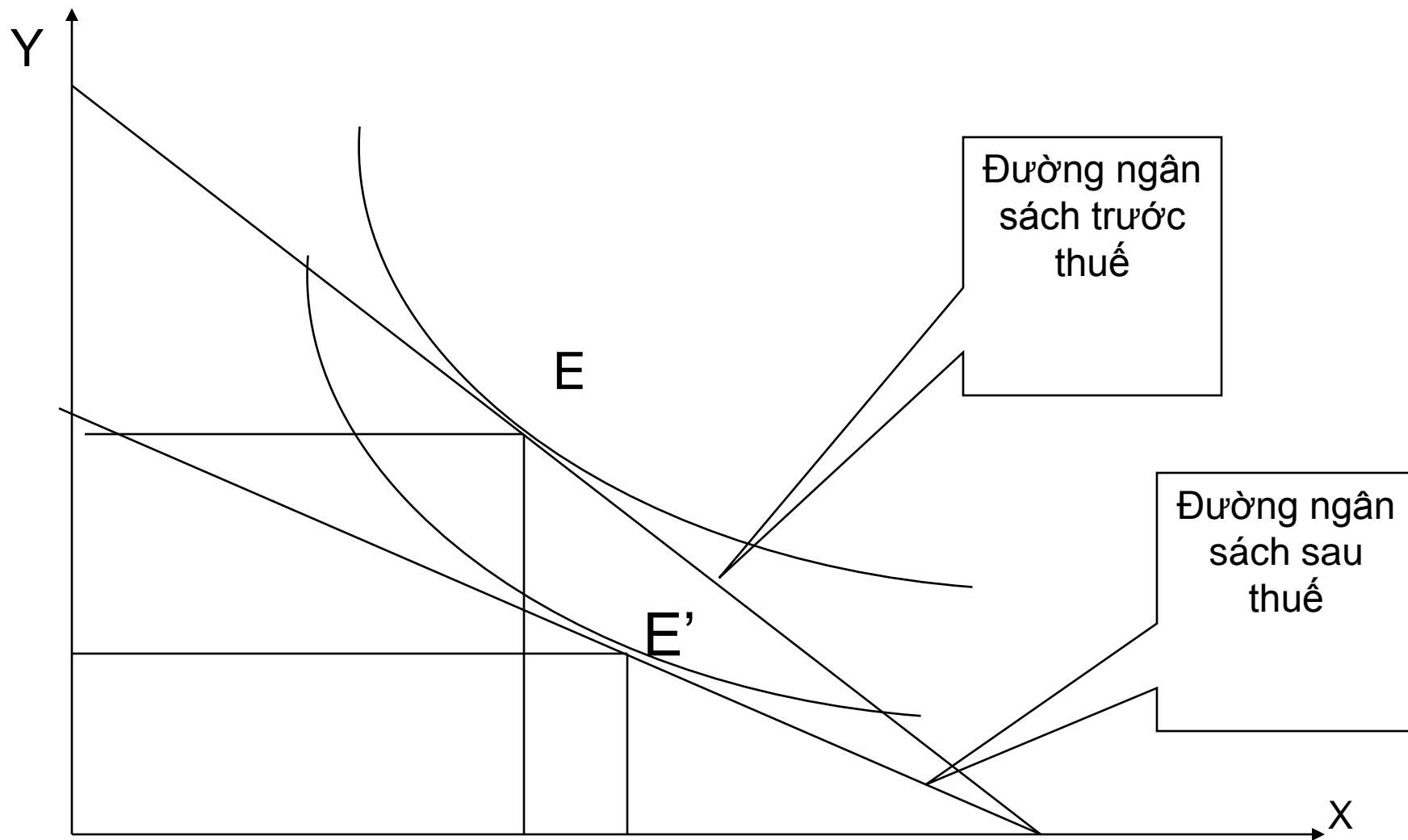
Tỷc đ□ng c□a thu□quan

- BƯở h□và phỹt trịn sỦn xuốtt trong n-□c
- Tởng thu ngān sỹch nhā n-□c
- H-□ng đ□n tiāu đ□ng trong n-□c
- Th□c hi□n ch□nh sỹch th□tr-□ng
- Là cāng c□ th□c hi□n cỹc cam k□t t□ do h□a th-□ng m□i

Tổng thu ngân sách nhà n-□c



Hình minh họa tiêu dùng trong n-c



Các công thức đo lường mức độ bảo hộ thuế quan

Bảo hộ danh nghĩa: Nominal Protection rate NPR

Bảo hộ danh nghĩa thuế quan NPR_T

bảo hộ danh nghĩa thực NPR_F

Bảo hộ hiệu quả: Effective Protection Rate – EPR

Các công thức đo lường mức độ bảo hộ thuế quan

Bảo hộ danh nghĩa: Nominal Protection rate NPR

Khái niệm:

Tỷ suất bảo hộ danh nghĩa là một khái niệm dùng để đánh giá tác động bảo hộ thương mại đối với giá sản phẩm

Công thức
$$\text{NPR} = P_d/P_w - 1$$

P_d : giá trong nước

P_w : giá quốc tế

ý nghĩa:

Cho biết mức chênh lệch của giá sản phẩm so với giá quốc tế

Đối với ngành sản xuất

Đối với ngành tiêu dùng

Tr- ờng hợp thuế đ- ợc tính bằng một tỷ lệ % trên giá trị hàng hóa,

$$NPR = P_w (1+T_s) / P_w - 1 = T_s$$

Trong tr- ờng hợp thuế đ- ợc tính bằng một số tiền cụ thể T

$$NPR = (P_w + T) / P_w - 1 = T/P_w$$

Tr- ờng hợp có tác động của giá tính thuế

$$NPR = P_w + t.P_g / P_w - 1 = (P_g/P_w) t$$

Tr- ờng hợp thuế nội địa đánh khác nhau giữa hàng SX trong n- ớc và hàng nhập khẩu:

$$NPR = (1+ T_s) (1+T_{im}) / (1+ T_{id}) - 1$$

Tr- ờng hợp giá thực tế $P_d \rightarrow NPR$ thực

Để bảo vệ ngành sản xuất ô tô, Chính phủ đánh thuế 80% đối với ô tô nhập khẩu.

a. Giá một chiếc ô tô khai báo trong hóa đơn là 150 triệu.

b. Giá tính thuế quy định là 180 triệu

c. Thuế TTĐB đối với ô tô sản xuất nhập khẩu là 100%, đối với ô tô sản xuất trong nước được giảm 50% mức thuế suất quy định.

d. Giá bán ô tô trong nước là 450 triệu

e. Giá bán ô tô trong nước là 660 triệu

Tính tỷ suất bảo hộ danh nghĩa thuế quan và bảo hộ danh nghĩa thực trong các trường hợp

Nhận xét về các trường hợp d và e

Bảo hộ hiệu quả: Effectivel Protection rate EPR

Khái niệm:

Tỷ suất bảo hộ hiệu quả là một khái niệm dùng để đánh giá tác động bảo hộ của thuế quan đối với thành phẩm và nguyên liệu đầu vào nhập khẩu

Công thức
$$NPR = VAd/VAi - 1$$

P_d là giá nội địa của thành phẩm, P_w là giá quốc tế của thành phẩm, C_d là giá nội địa của đầu vào, C_w là giá quốc tế của đầu vào, t_0 và t_1 là thuế suất nhập khẩu đối với thành phẩm và đầu vào thì:

$$VAd = P_d - C_d = P_w(1+t_0) - C_w(1+t_1)$$

$$VAi = P_w - C_w$$

Do vậy, $EPR = (P_w t_0 - C_w t_1) / (P_w - C_w)$

ý nghĩa:

Cho biết mức chênh lệch của giá trị gia tăng của sản xuất trong n- ớc so với quốc tế

Đối với ng- ời sản xuất

Đối với ng- ời tiêu dùng

Công ty Toyota Việt nam nhập khẩu linh kiện ô tô để lắp ráp ô tô. Hãy tính EPR của công ty trong các trường hợp. Nhận xét về các trường hợp trên

Biết thuế suất nhập khẩu ô tô nguyên chiếc là $t_0 = 80\%$, linh kiện ô tô là $t_1 = 30\%$

- a. Giá ô tô nguyên chiếc trên thị trường thế giới là 500USD. Giá trị linh kiện cần nhập khẩu là 4000 USD.
- c. Giá trị linh kiện cần nhập khẩu là 3500 USD.
- d. Tỷ lệ nội địa hóa của công ty không đổi nhưng chính phủ giảm thuế theo các phương án sau:

$$t_0 = 70\% - t_1 = 30\%$$

$$t_0 = 70\% - t_1 = 20\%$$

$$t_0 = 70\% - t_1 = 10\%$$

Quan ăi ợm c ủa WTO vủ thu ủa quan

- Ưu điểm:
- Rõ ràng
 - Ổn định, dễ dự đoán
 - Dễ đàm phán cắt giảm mức bảo hộ

Nhược điểm: Không tạo đợc rào cản một cách nhanh chóng

Quan điểm của WTO:

Thuế hóa các hàng rào phi thuế quan

Cắt giảm thuế quan:

Mức thuế ràng buộc (bound tariff)

Mức thuế trung bình đơn giản (simple tariff average)

Mức thuế trung bình áp dụng (applied tariff average)

Cho hàm cung và cầu của một quốc gia như sau;

$$Q_S = 40P - 40 \text{ và } Q_D = 200 - 20P$$

Giả thiết đây là một nước nhỏ và giá thế giới $P_W = 2$

- a. hãy phân tích giá cả, tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu khi có mậu dịch tự do
 - b. Nếu chính phủ đánh thuế quan bằng 50%. Hãy phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của thuế quan này.
-

Cho hàm cung và cầu của một quốc gia như sau;

$$Q_S = 2P - 40 \text{ và } Q_D = 140 - 2P$$

Giả thiết đây là một nước nhỏ và giá thế giới $P_W = 20$, chi phí nguyên liệu cần phải nhập khẩu là $C_W = 10$

- hãy phân tích giá cả, tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu trong trường hợp mậu dịch tự do
- Nếu chính phủ đánh thuế quan bằng 100% đối với sản phẩm này. Hãy phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của thuế quan này.
- Giả thiết mức thuế quan đối với nguyên liệu nhập khẩu là 5%, tính tỷ lệ bảo hộ danh nghĩa và tỷ lệ bảo hộ hiệu quả
- Nếu đây là một nước lớn thì sau khi đánh thuế quan, giá cả thế giới sẽ thay đổi như thế nào